TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 33 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 07/8/2017
V/v tranh chấp Ly hôn - ST

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà : **Nguyễn Thị Hải Lý**
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. **Bà Nguyễn Thị Nhiễu**
2. **Ông Phạm Đức Hiển**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Nguyễn Thị Tho** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*: **Bà Phạm Thị Hoài** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127 /2017/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXX - ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: Thôn $Ô_2$, xã T, huyện V, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Xóm 1, Thôn V, xã L, huyện Q , tỉnh Q.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: Thôn $Ô_2$, xã T, huyện V, tỉnh T.

(Chị T, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Lê Thị Kim T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T vào ngày 28/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chị đưa nhau vào Sài Gòn và sinh sống ở đó 01 năm. Đến tháng 10/2011, chị mang thai nên vợ chồng về quê ngoại chung sống cùng bố mẹ đẻ ở: xóm 1, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Q để sinh con.Từ tháng 2/2014 anh chị về quê nhà anh H ở thôn $Ô_2$, xã T, huyện V, tỉnh T sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng cũng phát sinh từ thời gian đó. Nguyên nhân: do phong tục tập quán giữa hai miền khác biệt nên chị cũng không quen với việc sinh hoạt và tập quán ngoài Bắc. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh H thì đi làm xa nên anh chị ít có thời gian chia sẻ bên nhau. Mặt khác anh H hay ghen tuông vô cớ , vợ chồng thường điện thoại chửi nhau. Anh H chửi bới, xúc phạm đến gia đình chị. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Khi chị bị ốm, anh H và gia đình anh H cũng không quan tâm gì. Vì vậy chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2014 đến nay. Anh H cũng không tìm gọi chị về. Chị cũng gọi điện liên lạc và cho anh H cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng anh H cũng không nghe điện thoại và không trả lời. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H.

**** Tại bản tự khai ngày 29/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:***

Về quá trình kết hôn và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị T đã trình bày. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm 1, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Q từ tháng 11/2014 đến nay. Anh cũng đã tìm gọi chị T về nhưng chị T kiên quyết không về. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh xác định vợ chồng tình cảm không còn gì nên đồng ý ly hôn chị T. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn chị T.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H đều thống nhất: vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/8/2012. Ly hôn chị T và anh H đều có nguyện vọng xin nuôi con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H đều xác định: Vợ chồng không có tài sản gì chung; không vay nợ gì ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ gì. Ruộng cấy cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra hai bên không còn yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân - gia đình, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016

+ **Quan hệ hôn nhân**: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H.

+ **Quan hệ con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên là: Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/8/2012. Ly hôn giao con cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

+ **Quan hệ tài sản:** Vợ chồng không có tài sản gì chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ **Án phí**: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 28/9/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp.

Quá trình chung sống do phong tục tập quán giữa hai miền khác biệt nên chị T cũng không quen với việc sinh hoạt và tập quán ngoài Bắc. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh H thì đi làm xa nên ít có thời gian chia sẻ gần gũi bên chị T. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mặt khác anh H hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm đến gia đình chị T. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở Q từ tháng 11/2014. Anh H cũng thừa nhận vợ chồng chung sống không có tình cảm, ít quan tâm, gần gũi nhau. Anh chị đều xác định cả hai sống ly thân nhau từ tháng 11/2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa hôm nay chị T và anh H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm gì. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Điều này cho thấy anh thực sự không thiết tha gì với cuộc hôn nhân này và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T cũng khẳng định giữa chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H.

[2] Quan hệ con chung: Chị T và anh H đều xác định con chung là Nguyễn Minh H hiện nay vẫn còn nhỏ. Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Xét điều kiện hiện tại của hai bên thì thấy: Chị T có nghề nghiệp và thu nhập (thể hiện qua xác nhận của bà Hồ Thị Minh H - Giám đốc công ty TNHH thương mại dịch vụ TM thành phố Đ, tỉnh Q). Từ khi sinh cháu H, chị T là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu còn anh Hạnh thì đi làm ăn xa, không có điều kiện để chăm sóc cháu H. Khi cháu H đang ở cùng với chị thì khoảng tháng 4/2016 anh H tự ý đưa cháu H về ngoài B, không nói gì với chị T, chị T nhiều lần về ngoài Bắc thăm con thì gia đình anh H và anh H ngăn cản, không cho thăm gặp. Như vậy thể hiện chị T vẫn quan tâm và thiết tha được chăm lo, dạy dỗ cho con. Anh H cũng có thu nhập ổn định (có xác nhận của Giám đốc công ty cổ phần vận tải hàng hóa và XD quận B, Tp H) và có nguyện vọng xin nuôi con. Qua xác minh tại địa phương và tham khảo ý kiến của bố đẻ anh H là ông Nguyễn Văn H_2, sinh năm 1949. Trú tại: thôn $Ô_2$, xã T, huyện V, tỉnh T thì thấy UBND xã T và ông H đều có ý kiến là anh H làm nghề lái xe đường dài, công việc rất bận mải. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/8/2012 cho chị T nuôi dạy là hợp lý để chị T có điều kiện chăm sóc con hơn. Chị T không yêu cầu anh Hạnh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[3] **Quan hệ tài sản**: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ nần gì ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H.

2. Quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/8/2012 cho chị Lê Thị Kim T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị Kim T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0002674 ngày 29/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm có mặt chị T, anh H. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận :
- *V.K.S.N.D huyện V*
- *Chi cụcT.H.A Dân sự huyện V*
- *Các Đương Sự*
- *UBND xã T, huyện V, tỉnh T.*
- *TAND tỉnh T*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu HCTP*